

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 335/2020/DS-PT

Ngày: 18/5/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng chuyển  
nhượng quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Giảng

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*  
Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh  
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/DSPT ngày 24/02/2020 về việc  
“Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 512/2019/DS-ST ngày 17/12/2019 của Tòa án  
nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1311/2020/QĐXXPT-DS ngày  
17/3/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1977

Địa chỉ: 46 TA, tổ 1, ấp An Bình, xã AT, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Ông Phạm Thanh J, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp An Hoà, xã AP, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy uỷ quyền  
ngày 06/3/2018, có mặt).

*Bị đơn:*

1/ Bà Lê Thị Thu A, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 275 TA, tổ 3, ấp AB, xã AT, huyện F, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Hương: Ông Nguyễn Minh K –  
Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: G7/30A ấp 7, xã LM, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3/ Ông Nguyễn Thanh M, sinh năm 1994; (có mặt)

4/ Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 2000. (có mặt)

Cùng địa chỉ: 275 TA, tổ 3, ấp An Bình, xã AT, huyện G, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng Thừa phát lại huyện O. (vắng mặt)

Địa chỉ: 1/9 đường BT, ấp Đình, xã TX, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 01/8/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H và đại diện hợp pháp là ông Phạm Thanh J trình bày:*

Vào ngày 11/12/2017, tại số 136 T8, thị trấn CX, huyện CM, Thành phố K, nguyên đơn bà H và ông Nguyễn Văn R có ký chuyển nhượng một phần quyền sử dụng đất diện tích 150m<sup>2</sup> thuộc thửa đất 762, tờ bản đồ số 9 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp cho ông Nguyễn Văn R với giá 300.000.000 đồng, bằng hình thức lập Vi bằng số 17761/2017/VB-TPL ngày 11/12/2017 và ký Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc – chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng ngày 11/12/2017. Nguyên đơn đã trả đủ số tiền nhận chuyển nhượng cho ông R.

Ngày 18/02/2018, ông Nguyễn Văn R chết, người thừa kế của ông Nguyễn Văn R gồm: bà Lê Thị Thu A (vợ) và các con là Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thanh M, Nguyễn Thanh N không đồng ý giao đất cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu những người thừa kế của ông Nguyễn Văn R phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, giao phần đất nói trên cho nguyên đơn theo đúng Văn bản thỏa thuận ký ngày 11/12/2017 giữa nguyên đơn và ông R.

Tuy nhiên, do nguyên đơn không muốn vụ án kéo dài nên ngày 06/8/2019, nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc những người kế thừa của ông Nguyễn Văn R phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) theo hợp đồng thỏa thuận về việc đặt cọc – chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/12/2017, yêu cầu trả lại số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình: Vi bằng số 17761/2017/VB-TPL ngày 11/12/2017; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy 284 QSDĐ/ĐG do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 20/02/2002 cho ông Nguyễn Văn R; Biên bản giao nhận tiền

ngày 11/12/2017; Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc – chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/12/2017 (bản sao).

*Tại bản tự khai ngày 18/02/2019 và quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị Thu A trình bày:*

Bị đơn là vợ của ông Nguyễn Văn R – ông R đã chết ngày 18/02/2018. Bị đơn không biết gì về việc ông R ký Vi bằng mua bán đất với nguyên đơn. Bị đơn đồng ý chấm dứt thỏa thuận về việc đặt cọc – chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng không đồng ý trả tiền cho nguyên đơn vì bị đơn không tin ông R có nhận tiền của nguyên đơn. Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai ngày 18/02/2019, 28/02/2019 và quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thanh M, ông Nguyễn Thanh N có đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Đào Duy S trình bày:*

Bà L, ông M, ông N đồng ý trả tiền cho nguyên đơn khi nguyên đơn chứng minh được việc có sự giao nhận tiền với ông R. Tuy nhiên, phía bị đơn nghi ngờ hình ảnh lập tại Văn phòng Thừa phát lại huyện O là không phù hợp quy định, hình ảnh giả mạo nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại bản tự khai ngày 03/4/2019 và quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng Thừa phát lại huyện O trình bày:*

Thừa phát lại huyện O thừa nhận Vi bằng số 17761/2017/VB-TPL ngày 11/12/2017 và Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc – chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/12/2017 là có thật. Ông Nguyễn Văn R ký giấy nhận tiền và ký Vi bằng tại Văn phòng Thừa phát lại. Do đó, Văn phòng Thừa phát lại huyện O đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 512/2019/DS-ST ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 96, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 422, Điều 423, khoản 2 Điều 427 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

- Căn cứ Điều 25, 26, 27, 28, 29 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 của Chính phủ về việc tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H

1. Hủy bỏ Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc – chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/12/2017 giữa bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn R.

2. Buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Văn R gồm: bà Lê Thị Thu A, chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Thanh M và anh Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé H số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Thị Thu A, chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Thanh M và anh Nguyễn Thanh N có trách nhiệm trả lãi cho bà Bé A với mức lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả, kể từ ngày bà Bé A có đơn yêu cầu thi hành án.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Thu A, chị Nguyễn Thị Mỹ L, anh Nguyễn Thanh M và anh Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé H số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0033184 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Ngày 23/12/2019, bị đơn bà Lê Thị Thu A có đơn kháng cáo; Ngày 31/12/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh N và ông Nguyễn Thanh M có đơn kháng cáo với cùng nội dung:

Kháng cáo toàn bộ bản án 512/2019/DS-ST ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi với lý do: Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử và quyết định không phù hợp với chứng cứ, những tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật, có vi phạm nghiêm trọng trong thủ tục tố tụng làm thiệt hại quyền lợi hợp pháp của bị đơn. Giữa nguyên đơn và ông Nguyễn Văn R có quan hệ bất chính với nhau, hai người đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 đến khi ông R chết ngày 18/02/2018, nên giữa ông R và nguyên đơn không có việc chuyển nhượng đất và không có việc nguyên đơn đưa số tiền 300.000.000 đồng cho ông R. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu lập Vi bằng số 17761/2017/VB-TPL ngày 11/12/2017 do Văn phòng Thừa phát lại huyện O lập chỉ là hành vi nhằm chiếm đoạt tiền của bị đơn. Việc Tòa án nhân dân huyện Củ Chi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn bà Nguyễn Thị Bé H, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng là trái với quy định của pháp luật. Do đó, bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án trên theo đúng quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, lẽ công bằng cho bị đơn.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn Lê Thị Thu A trình bày: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu của nguyên đơn, tuyên hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn R vô hiệu vì ông R với bà H đã sống chung như vợ chồng tại nhà bà H, thời điểm ký hợp đồng ông R bị bệnh hiểm nghèo.

Việc sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải trả số tiền cho nguyên đơn nhưng không tiến hành định giá xác định giá trị tài sản của ông R để lại là vi phạm tố tụng, nếu không khắc phục được, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo của đương sự, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Sơ thẩm không xác minh hàng thừa kế là cha mẹ của ông R là có thiếu sót, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm tất cả đồng bị đơn đều đã xác định cha mẹ ông R đã chết trước ông R nên thiếu sót của sơ thẩm không cần khắc phục. Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng. Về người tham gia tố tụng trong vụ án, cấp sơ thẩm đã đưa tham gia đủ và tổng đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thanh M và Nguyễn Thanh N trực tiếp tham gia tố tụng đồng thời chấm dứt việc ủy quyền cho ông Đào Duy S.

[2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn R có ký “Văn bản thỏa thuận v/v Đặt cọc – Chuyển nhượng quyền sử dụng đất” vào ngày 11/12/2017, nội dung ông Lý chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích 150m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa đất 762, tờ bản đồ số 9, do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 284 QSDĐĐ/ĐG ngày 20-02-2001 cho ông Nguyễn Văn R, giá trị chuyển nhượng tại hợp đồng là 300.000.000 đồng.

[3] Nguyên đơn chứng minh việc đã giao số tiền 300.000.000 đồng, theo hợp đồng cho ông Nguyễn Văn R như sau:

“Biên bản giao nhận tiền” ngày 11-12-2017 có nội dung “bà Nguyễn Thị Bé H giao cho ông Nguyễn Văn R nhận 300.000.000 đồng để thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán đất theo nội dung thỏa thuận đã được hai bên giao kết ngày 11-12-2017. Ông Nguyễn Văn R đã tự kiểm đếm và nhận đủ số tiền 300.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị Bé H giao”. Biên bản này có chữ ký và lấn tay điểm chỉ của ông Nguyễn Văn R.

“Vi bằng” số 17761/2017/VB-TPL ngày 11-12-2017 do Văn phòng Thừa phát lại huyện O lập lúc 13 giờ 40 phút ngày 11-12-2017 tại địa chỉ số 136 Tỉnh lộ 8, khu phố 2, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi. Nội dung vi bằng thể hiện Thừa phát lại chứng kiến và ghi nhận sự việc bà Nguyễn Thị Bé H giao và ông Nguyễn Văn R đã tự kiểm đếm và nhận đủ số tiền theo thỏa thuận tại hợp đồng ngày 11/12/2017 là 300.000.000 đồng. Vi bằng có kèm hình ảnh chụp lúc hai bên giao nhận tiền.

[4] Ngày 18/02/2018 ông Nguyễn Văn R chết, những người thừa kế của ông R không thừa nhận sự việc ông Nguyễn Văn R có giao dịch và có nhận tiền như nguyên đơn trình bày.

[5] Xét kháng cáo của các bị đơn: Việc bị đơn không thừa nhận sự việc ông R có nhận tiền bán đất nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào có giá trị chứng minh. Bị đơn cho rằng do ông R sống chung với bà H như vợ chồng nên bị đơn “không tin” và “ngghi ngờ” ông R có nhận tiền của nguyên đơn, vì vậy không có việc hai người ký hợp đồng mua bán đất và giao nhận tiền. Xét ý kiến này của bị đơn không là cơ sở chứng cứ để phủ nhận hay bác bỏ những tài liệu có giá trị là chứng cứ chứng minh do nguyên đơn cung cấp như nêu trên.

[6] Vi bằng số 17761/2017/VB-TPL ngày 11-12-2017 do Văn phòng Thừa phát lại huyện O lập theo đúng thủ tục pháp luật quy định, bị đơn không có căn cứ nào chứng minh việc lập vi bằng này là không khách quan, không đúng sự thật hoặc có sự vi phạm.

[7] Tại giai đoạn phúc thẩm, bị đơn có cung cấp bổ sung lời khai của một số người cư ngụ cùng địa phương (những người này có mặt tại phiên tòa phúc thẩm), nội dung xác nhận họ biết sự việc thời gian ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị Bé H sống chung như vợ chồng. Xét những lời khai này không là căn cứ chứng minh để phủ nhận những chứng cứ về việc giao nhận tiền do nguyên đơn cung cấp như đã nhận định trên, do vậy yêu cầu của bà A đề nghị Tòa án triệu tập những người này tham gia phiên tòa xét thấy là không cần thiết.

[8] Ông Nguyễn Văn R chết, những người thừa kế của ông R sẽ chỉ phải thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại trong phạm vi di sản của người chết để lại,

theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015. Án sơ thẩm buộc họ phải thực hiện nghĩa vụ mà không quy định giới hạn phạm vi nghĩa vụ là không đúng, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn. Phúc thẩm sửa án sơ thẩm ở phần này cho đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên trong phần quyết định nội dung “trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật” và “Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền” là không cần thiết, vì những vấn đề này sẽ được giải quyết tại giai đoạn thi hành án theo Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ những tài liệu chứng cứ được nhận định trên, xét sơ thẩm đã giải quyết nội dung vụ án đúng pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào khác so với giai đoạn sơ thẩm và cũng không có căn cứ nào xác định sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hay giải quyết vụ án trái quy định pháp luật để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, vì vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn cũng như đề nghị của Luật sư. Ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 422, Điều 423, 424, khoản 2 Điều 427 và Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Thu H, ông Nguyễn Thanh N và ông Nguyễn Thanh M; Sửa Bản án sơ thẩm số 512/2019/DS-ST ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H.

1. Hủy bỏ Văn bản thỏa thuận về việc đặt cọc – chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/12/2017 giữa bà Nguyễn Thị Bé H và ông Nguyễn Văn R.

2. Buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Văn R gồm: Bà Lê Thị Thu A, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thanh M và ông Nguyễn Thanh N có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bé H số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), nghĩa vụ này được thực hiện trong phạm vi tài sản là di sản của ông Nguyễn Văn R để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân

sự 2015, nghĩa vụ này được thực hiện trong phạm vi tài sản là di sản của ông Nguyễn Văn R để lại.

### 3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Thu A, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Thanh M và ông Nguyễn Thanh N phải chịu là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), nghĩa vụ này được thực hiện trong phạm vi tài sản là di sản của ông Nguyễn Văn R để lại.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bé H số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0033184 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Bà Lê Thị Thu A, anh Nguyễn Thanh M và anh Nguyễn Thanh N được trả lại tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000 đồng (các Biên lai thu: AA/2019/0083217 ngày 31-12-2019, AA/2019/0083236 ngày 03-01-2020, AA/2019/0083235 ngày 03-01-2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- TAND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi, TPHCM;
- TAND huyện Củ Chi, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS; (T.20)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hồng Giảng**